朝陽科技大學
110學年度第1學期教學大綱

當期課號	0232			中文科名	越南語與文化
授課教師	阮青松			開課單位	通識教育中心
學分數	2	修課時數	2	開課班級	日間部四年制0年級 5班
修習別	校訂選修				
類別	一般課程				

本課程培養學生下列知識：

本課程透過日常生活、越南歷史與文化，授予學生基本越語會話訓練。

1.聽：聽懂日常生活事物之描述以及簡單的詢問。
2.說：簡單地自我介紹以及描述特定主題如家庭、興趣等。
3.讀：看懂基本句型與簡短敘述如電子郵件、公告、廣告等。
4.寫：以基本字彙與句型寫出與生活有關的句子或段落。

Students will learn basic Vietnamese language, pronunciations, sentence patterns and structures through everyday life situations, history and culture. The goal of this course is to improve the following language skills. 1. Listening – To understand the description of things and simple questions in everyday life. 2. Speaking – To do self introduction and to describe something specific, for example, families and hobbies. 3. Reading – To understand simple sentence patterns and short messages such as e-mails, announcements and advertisements. 4. Writing – To compose sentences or paragraphs with basic vocabulary and sentence patterns.

每週授課主題

第01週：越南語概況及其文法、詞彙特點；越南語字母系統。
第02週：越南語語音：單聲母，單元音韻母和和雙元音韻母。
第03週：越南語語音：複合聲母、三元音韻母、聲調；發音練習。
第04週：越南語語音：韻尾；發音練習。基本句子。
第05週：第一課Bài 1（一）：不好意思，你叫什麼名字？Xin lỗi, anh tên là gì?
第06週：第一課Bài 1（二）：不好意思，你叫什麼名字？Xin lỗi, anh tên là gì?
第07週：第二課Bài 2（一）：我是台灣人。Tôi là người Đài Loan.
第08週：第二課Bài 2（二）：我是台灣人。Tôi là người Đài Loan.
第09週：期中考
第10週：第三課Bài 3（一）：最近，你在作什麼？Dạo này anh làm gì?
第11週：第三課Bài 3（二）：最近，你在作什麼？Dạo này anh làm gì?
第12週：第四課Bài 4（一）：這是什麼？ Cái này là cái gì?
第13週：第四課Bài 4（二）：這是什麼？ Cái này là cái gì?
第14週：第五課Bài 5（一）：現在是幾點？ Bây giờ là mấy giờ?
第15週：第五課Bài 5（二）：現在是幾點？ Bây giờ là mấy giờ?
第16週：第六課Bài 6（一）：今天是幾號？ Hôm nay là ngày mấy?
第17週：第六課Bài 6（二）：今天是幾號？ Hôm nay là ngày mấy?
第18週：期末考。

成績及評量方式

課堂參與：20%
小考（1)：10%
期中考：30%
小考（2)：10%
小組功課：10%
期末考：20%

證照、國家考試及競賽關係

本課程無證照、國家考試及競賽資料。

主要教材

1.我的第一本越南語課本Nguyễn Thị Thu Hằng台灣廣廈出版集團9789866077548201 61(教科書)

參考資料

書名：我的第一本越南語課本 作者：Nguyễn Thị Thu Hằng 出版年(西元)：2016 出版社：台灣廣廈出版集團

建議先修課程

本課程無建議先修課程

教師資料

教師網頁：http://www.cyut.edu.tw/~tungicdmard/
E-Mail： tungicdmard@cyut.edu.tw
Office Hour：
分機:

[關閉] [列印]

尊重智慧財產權，請勿不法影印。